

Số: *125*/2014/NQ-HĐND

*Nghệ An, ngày 16 tháng 7 năm 2014*

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về một số chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển**  
**nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**  
**KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 4278/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2014;

Trên cơ sở Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách và ý kiến của các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh:**

Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Các chính sách về phát triển nông nghiệp, nông thôn của Trung ương được thực hiện theo quy định hiện hành.

**2. Đối tượng áp dụng:**

a) Các chính sách hỗ trợ: Cây lạc (vụ Thu Đông), cây chè, cây ăn quả, cây cao su, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, chăn nuôi lợn ngoại, tạo giống bò, cải tiến giống trâu, chăn nuôi trâu, bò hàng hoá, trợ giá giống gốc, tiêm phòng gia súc miền núi, hỗ trợ gia súc, gia cầm bị rủi ro sau tiêm phòng, xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung (nếu là hộ gia đình đầu tư), trồng rừng gỗ lớn và trồng rừng bằng cây bản địa, nuôi trồng thủy sản mặn lợ, nuôi cá lồng trên sông, hồ nước lớn, trợ giá cá giống cho các huyện miền núi, hỗ trợ khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, sản xuất muối, tưới cho cây công nghiệp và cỏ trồng trung, trợ giá máy cày đa chức năng, máy gặt, máy cấy, xây dựng và nhân rộng mô hình

kinh tế có hiệu quả tại các huyện miền núi áp dụng đối với các hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp trên địa bàn (gọi chung là hộ nông dân).

b) Chính sách hỗ trợ kênh mương loại 3 áp dụng đối với các xã hoặc Hợp tác xã nông nghiệp tại các huyện, xã miền núi;

c) Chính sách hỗ trợ bảo tồn quỹ gen, giống gốc, phát triển nguồn lợi thủy sản áp dụng đối với một số đơn vị có chức năng thực hiện những nội dung này.

d) Chính sách hỗ trợ bản quyền tác giả, xây dựng lò giết mổ gia súc gia cầm tập trung áp dụng đối với các doanh nghiệp có đầu tư thuộc các lĩnh vực này nhằm phục vụ có hiệu quả phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

## **Điều 2. Một số chính sách hỗ trợ đầu tư**

### **1. Cây lạc (vụ Thu - Đông)**

a) Hỗ trợ 50% giá giống lạc nguyên chủng, với định mức không quá 240 kg/ha, diện tích được hỗ trợ không quá 1.000 ha/năm;

b) Hỗ trợ nilon tủ luống với mức 10.000 đồng/kg nilon tấm mỏng 0,007mm, màu trắng trong. Định mức 100 kg/ha.

### **2. Cây chè**

a) Hỗ trợ 1.500 đồng/bầu giống chè Tuyết Shan, với mật độ trồng 3.300 bầu/ha;

b) Hỗ trợ giống chè LDP1, LDP2, chè chất lượng cao với mức 400 đồng/bầu. Mật độ trồng 16.000 bầu/ha;

c) Hỗ trợ chi phí làm đất trồng mới chè công nghiệp giống LDP1, LDP2, chè chất lượng cao, chè Tuyết Shan với mức 5.000.000 đồng/ha đối với các huyện: Con Công, Kỳ Sơn, Tương Dương, khu tái định cư thủy điện Bản Vẽ tại huyện Thanh Chương và mức 2.000.000 đồng/ha đối các huyện còn lại.

### **3. Cây ăn quả (Cam, quýt giống mới, chanh leo)**

Hỗ trợ 5.000 đồng/bầu giống cam, quýt giống mới, chanh leo sạch bệnh. Mật độ trồng theo quy trình và định mức kinh tế kỹ thuật được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

### **4. Cây cao su**

Hỗ trợ 7.000 đồng/bầu giống cao su, có năng suất, chất lượng cao (loại được sản xuất trong túi PE) cho các hộ dân có đất được cấp có thẩm quyền giao

hoặc cho thuê trong vùng quy hoạch trồng cao su của tỉnh. Mật độ trồng theo quy trình và định mức kinh tế kỹ thuật được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

### **5. Hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng**

Hỗ trợ 5 triệu đồng/ha đối với những diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây hàng năm khác có giá trị kinh tế cao hơn. Với điều kiện quy mô vùng chuyển đổi từ 02 ha trở lên và chỉ hỗ trợ 01 lần.

### **6. Chăn nuôi lợn ngoại có quy mô 30 con trở lên**

a) Hỗ trợ 01 triệu đồng/con lợn cái hậu bị cấp ông bà, bố mẹ có trọng lượng bình quân 60 kg/con. Mức hỗ trợ bằng 50% số lượng nhập đàn và tối đa không quá 100 triệu đồng/trang trại;

b) Trợ giá lợn đực giống ngoại (trọng lượng lợn đực giống hậu bị trên 70 kg/con), với chỉ tiêu 30 con lợn nái trở lên được bố trí 01 con lợn đực cho trang trại đủ tiêu chuẩn sản xuất giống cấp ông bà, bố mẹ. Mức hỗ trợ 02 triệu đồng/con;

c) Hỗ trợ 50% giá lợn đực giống ngoại để thay thế, bổ sung đàn lợn đực giống tại các đơn vị thụ tinh nhân tạo của tỉnh. Trọng lượng lợn đực giống bình quân 100 kg/con. Số lợn đực bổ sung đàn được ghi kế hoạch đầu năm.

### **7. Tạo giống bò, cải tiến giống trâu**

a) Cấp 100% chi phí: Tinh trâu, tinh bò sữa, tinh bò giống hướng thịt: Zêbu, Brahman; vật tư phối giống và hỗ trợ 70.000 đồng/con có chữa, bao gồm tiền công: Phối giống, kiểm tra trâu hoặc bò có chữa;

b) Hỗ trợ 60% giá trị trâu đực giống ngoại vùng (cách tối thiểu 50 km), bò đực giống lai hướng thịt (về đến địa phương), để phối giống trực tiếp cho trâu cái ở các vùng quy hoạch, bò cái tại địa phương đối với các huyện, xã miền núi không có điều kiện thực hiện phối giống bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo. Định mức: 30 - 50 con trâu, bò cái sinh sản được bố trí 01 con trâu hoặc bò đực giống. Riêng các huyện: Kỳ Sơn, Tương Dương, Quế Phong hỗ trợ 80% giá trị trâu đực giống ngoại vùng, bò đực giống lai hướng thịt (về đến địa phương), với định mức 25 - 30 con trâu hoặc bò cái sinh sản được bố trí 01 con trâu hoặc bò đực giống.

### **8. Chăn nuôi trâu, bò hàng hoá**

a) Hỗ trợ lãi suất tối đa 12 tháng thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho số tiền vay bình quân 10 triệu đồng/con để mua 01 con trâu, bò tạo hàng hoá. Ngân sách trả lãi suất tiền vay qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Hỗ trợ 100.000 đồng/con trâu, bò đực giống chất lượng kém bị thiếu bằng kim bấm và hỗ trợ 50.000 đồng/con tiền công thiến cho cán bộ thực hiện.

### **9. Trợ giá giống gốc**

Hàng năm ngân sách tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện chương trình trợ giá giống gốc theo Thông tư số 148/2007/TTLB/BTC-BNN&PTNT của Liên Bộ: Tài chính - Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ đặt hàng sản xuất và cung ứng sản phẩm giống gốc vật nuôi cho các đối tượng sau: Lợn Móng Cái, Lợn giống ngoại cấp ông bà, Bò vàng, Vịt bầu Quý, gà Ác, lợn Mường Khương, bò Hmông.

### **10. Tiêm phòng gia súc miền núi**

Cấp 100% các loại vacxin tiêm phòng gia súc đối với các xã, bản miền núi khu vực III và khu vực II.

### **11. Hỗ trợ gia súc, gia cầm bị phản ứng do tiêm phòng vacxin gây chết**

Hỗ trợ 100% tiền đền bù gia súc, gia cầm bị chết do tiêm phòng vacxin theo giá thị trường tại thời điểm xảy ra rủi ro (trong định mức quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

### **12. Hỗ trợ xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung**

Hỗ trợ 30% giá trị xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung và mua sắm thiết bị theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng không quá 200 triệu đồng/cơ sở.

### **13. Chính sách trồng rừng gỗ lớn và trồng rừng bằng cây bản địa**

a) Hỗ trợ 50% giá cây giống keo lá tràm, keo tai tượng, sao đen (ươm bằng hạt hoặc nuôi cấy mô) đạt tiêu chuẩn cho hộ nông dân trồng rừng kinh doanh gỗ lớn trên diện tích đất lâm nghiệp được giao, hoặc cho thuê trong quy hoạch vùng sản xuất kinh doanh rừng gỗ lớn được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mật độ trồng theo quy trình và định mức kinh tế kỹ thuật.

b) Hỗ trợ 50% giá cây giống cây bản địa (lim xanh, lát hoa, trám) cho các hộ dân trồng rừng trên đất lâm nghiệp được giao, hoặc cho thuê trong quy hoạch vùng sản xuất kinh doanh rừng gỗ lớn được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mật độ trồng theo quy trình và định mức kinh tế kỹ thuật.

### **14. Nuôi trồng Thủy sản mặn lợ:**

Đối với những hộ nuôi tôm Sú và tôm He chân trắng thương phẩm công nghiệp bị bệnh đốm trắng (WSSV), bệnh đầu vàng (YHCV), Hội chứng Tau ra (TSV), bệnh hoại tử cơ (IMNV), bệnh hoại tử cơ quan tạo máu và cơ quan biểu mô (IHHNV), hội chứng hoại tử gan tụy cấp tính (AHPNS) được hỗ trợ hoá chất

để xử lý dịch bệnh tôm, nếu khi tôm bị bệnh chủ hộ đã tuân thủ quy trình dập dịch của các cơ quan có thẩm quyền về phòng chống dịch bệnh thủy sản.

### **15. Nuôi cá lồng trên sông, hồ nước lớn**

a) Các huyện, xã miền núi thuộc khu vực III được hỗ trợ 6,0 triệu đồng/lồng (loại lồng 15m<sup>3</sup> trở lên);

b) Các huyện, xã miền núi thuộc khu vực II được hỗ trợ 4,0 triệu đồng/lồng (loại lồng 15m<sup>3</sup> trở lên);

c) Các huyện, xã miền núi thuộc khu vực I được hỗ trợ 2,5 triệu đồng/lồng (loại lồng 15m<sup>3</sup> trở lên);

### **16. Trợ giá cá giống cho các huyện miền núi**

Hàng năm tỉnh trích một phần ngân sách để trợ giá cá giống lên miền núi của tỉnh, cụ thể như sau:

a) Đối với các xã miền núi khu vực III, mức trợ giá giống 70%;

b) Đối với các xã miền núi khu vực II, mức trợ giá giống 60%;

c) Đối với các xã miền núi khu vực I, mức trợ giá giống 50%.

### **17. Hỗ trợ khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản**

a) Hỗ trợ 01 máy thông tin tầm xa có tích hợp vệ tinh cho mỗi tổ hợp tác (từ 5-7 tàu/tổ) gồm các loại tàu có công suất từ 90 CV trở lên. Máy thông tin phải thực hiện theo quy định về quản lý thông tin trên biển của tỉnh.

b) Hỗ trợ 01 lần cho các hộ ngư dân đầu tư đóng mới tàu cá khai thác xa bờ có công suất từ 400CV trở lên, với các mức hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ 150 triệu đồng/tàu đối với tàu có công suất từ 400CV đến dưới 700CV;

- Hỗ trợ 300 triệu đồng/tàu đối với tàu có công suất từ 700CV trở lên.

c) Hỗ trợ 50% giá phao áo, chỉ một lần, một phao áo cho mỗi lao động đi khai thác thủy sản xa bờ trên tàu có công suất 90CV trở lên (trừ những đối tượng ngư dân nghèo và gia đình chính sách đã được hỗ trợ một bộ phao cứu sinh từ năm 2014 trở về trước).

d) Hỗ trợ xây dựng mô hình đóng mới, cải hoán hầm bảo quản sản phẩm thủy sản sau đánh bắt bằng vật liệu PU trên tàu cá có công suất trên 400 CV với mức 35 triệu đồng/tàu, mỗi năm không quá 10 mô hình.

e) Hỗ trợ thí điểm mua máy dò ngang khai thác thủy sản khơi xa, trên tàu có công suất từ 600CV trở lên, với mức hỗ trợ 50% giá máy, nhưng không quá 200

triệu đồng/máy, mỗi năm hỗ trợ thí điểm 03 tàu và thực hiện trong 02 năm 2015 - 2016.

### **18. Bảo vệ quỹ gen, giống gốc, phát triển nguồn lợi thủy sản**

a) Hàng năm ngân sách cấp kinh phí để mua các giống tôm, giống cá và các loài thủy sản quý hiếm khác thả ra sông, ra biển, các hồ nước lớn có diện tích trên 50 ha.

b) Hàng năm ngân sách cấp kinh phí để thay thế 20% đàn cá bố mẹ hiện có gồm kinh phí mua, vận chuyển, nuôi dưỡng và sản xuất giống quý hiếm, giống mới.

### **19. Sản xuất Muối**

a) Hỗ trợ một lần, với mức 03 triệu đồng khi xây dựng bộ chạt lọc cải tiến để thay chạt lọc cũ.

b) Hỗ trợ bạt nhựa nilon trải ô kết tinh, với mức 03 triệu đồng/đơn vị sản xuất muối (60m<sup>2</sup>).

### **20. Kiên cố hoá kênh mương loại III**

a) Hỗ trợ 30% giá trị công trình kiên cố kênh mương đối với các huyện miền núi thấp và các xã miền núi của các huyện đồng bằng cho khu vực tưới có 10 ha trở lên;

b) Hỗ trợ 80% giá trị công trình cho khu vực tưới có 05 ha trở lên đối với 5 huyện miền núi cao;

c) Khi lập dự toán công trình không tính giá trị thu nhập chịu thuế tính trước, khuyến khích áp dụng thiết kế định hình ở những nơi có điều kiện, các khoản chi phí khảo sát, lập thiết kế dự toán chỉ tính bằng 50% mức quy định, thuế VAT chỉ tính trên giá trị vật liệu xây dựng công trình.

### **21. Tưới cho cây công nghiệp (Chè, Cà phê, Mía), Cây ăn quả (Cam, Dứa) và Cỏ trồng tập trung**

a) Hỗ trợ 40% giá trị công trình được quyết toán do cấp có thẩm quyền phê duyệt (thiết bị và vật tư) tưới nhỏ lẻ cho cây công nghiệp (chè, cà phê, mía), cây ăn quả (cam, dứa) và cỏ trồng tập trung có quy mô 01 ha trở lên làm thức ăn chăn nuôi như: Giếng đào, giếng khoan, máy bơm nhỏ di động, ống tưới PVC hoặc bằng cao su;

b) Hỗ trợ 40% giá trị công trình nhưng tối đa không quá 20 triệu đồng cho 01 hồ đập nhỏ có dung tích từ 30.000 m<sup>3</sup> đến 70.000 m<sup>3</sup> nằm trong vùng quy hoạch phát triển cây công nghiệp (chè, cà phê, mía), cây ăn quả (cam, dứa) để tạo

nguồn nước tưới và giữ ẩm. Số lượng hồ đập nhỏ được UBND tỉnh giao kế hoạch hàng năm cho các địa phương, đơn vị.

## **22. Máy cày đa chức năng, máy gặt, máy cấy**

a) Hỗ trợ mua máy cày đa chức năng công suất từ 30CV đến 60CV và máy công tác, phụ kiện kèm theo (bánh lồng, phay, cày lưỡi hoặc cày đĩa, bừa, vét bờ, bơm nước, rơ moóc), với mức hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ 20% giá trị máy hoàn chỉnh đối với các huyện, xã miền núi;
- Hỗ trợ 15% giá trị máy hoàn chỉnh đối với các xã đồng bằng;

b) Hỗ trợ 20% giá trị máy gặt, máy cấy;

## **23. Chính sách hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình kinh tế có hiệu quả tại các huyện miền núi để tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo**

a) Xây dựng mô hình kinh tế

- Đối tượng, quy mô:

+ Sản xuất cây hàng năm, cây công nghiệp ngắn ngày, hoa như: Khoai sọ, gừng, chuối tiêu hồng, gấc cao sản, bí xanh, cây hương bài, cây đào, cây bo bo, trồng cỏ phục vụ chăn nuôi, mô hình thâm canh lúa lai, ngô lai, lạc, rau an toàn, hoa lyli, cây dược liệu dưới tán rừng. Quy mô: 1 - 2 ha/mô hình.

+ Sản xuất cây ăn quả: Cam, quýt, bưởi, dứa. Quy mô: 2 - 3 ha/mô hình.

+ Sản xuất cây lâm nghiệp: Cây pic niêng, mét, trám, xoan, mô hình cải tạo rừng nghèo kiệt thành rừng giàu, chuyển đổi canh tác nương rẫy sang canh tác nông, lâm kết hợp. Quy mô: 3 - 5 ha/mô hình.

+ Chăn nuôi: Số con thường xuyên/mô hình phải đạt mức tối thiểu đối với từng loại con như sau: Lợn rừng, lợn đen: 30 con trở lên; nhím: 10 cặp; gà đen, vịt bầu Quý: 200 con; dê: 20 con.

- Chính sách hỗ trợ:

+ Hỗ trợ kinh phí tập huấn, hội thảo đầu bờ, tuyên truyền với mức 10 triệu đồng/mô hình.

+ Hỗ trợ giống với mức: 50% đối với các huyện, xã miền núi khu vực I và khu vực II, 80% đối với các xã miền núi khu vực III;

+ Hỗ trợ 50% chi phí vật tư chủ yếu: phân bón, chế phẩm sinh học.

+ Hỗ trợ 50% chi phí thức ăn chủ yếu đối với các mô hình chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

Các mô hình phải đảm bảo đạt hiệu quả kinh tế tăng ít nhất từ 10 - 15% so với sản xuất bình thường.

Hàng năm các huyện, thị căn cứ điều kiện thực tế của địa phương lựa chọn tối đa 2 - 3 mô hình có hiệu quả nhất để thực hiện.

b) Nhân rộng mô hình kinh tế

- Thời gian:

+ Đối với cây hàng năm: Sau 02 năm xây dựng mô hình.

+ Đối với cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả, rừng nguyên liệu: Sau 01 chu kỳ sản xuất tạo mô hình;

+ Mô hình chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản: Sau 02 năm xây dựng mô hình.

- Quy mô: Phải đạt tối thiểu gấp 04 lần quy mô mô hình đã được xây dựng có hiệu quả.

- Chính sách hỗ trợ:

+ Hỗ trợ kinh phí tuyên truyền, hội thảo đầu bờ, với mức 20 triệu đồng/mô hình.

+ Hỗ trợ 30% giá các loại vật tư, phân bón chủ yếu.

+ Hỗ trợ 30% giá thức ăn chăn nuôi chủ yếu đối với các mô hình chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

**24. Chính sách hỗ trợ mua bản quyền tác giả các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ**

Hỗ trợ 40% giá trị mua bản quyền tác giả các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến được áp dụng vào sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp đạt hiệu quả kinh tế cao tại Nghệ An. Các danh mục về bản quyền tác giả tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến được mua do Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét, trình UBND tỉnh quyết định trước khi thực hiện.

**25. Chính sách phát triển Hợp tác xã nông nghiệp**

Khi thành lập mới 01 Hợp tác xã sản xuất, dịch vụ nông nghiệp, diêm nghiệp đã đại hội xã viên, có phương án sản xuất kinh doanh, có giấy phép kinh doanh do UBND huyện, thành, thị (hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư) cấp, được hỗ trợ 20 triệu đồng.


**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 4. Hiệu lực thi hành**



Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015; Bãi bỏ Nghị quyết số 28/2011/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2012 - 2015.

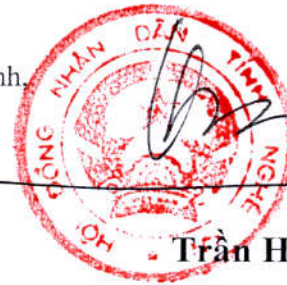
Đối với những trường hợp đang làm thủ tục hưởng các chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 28/2011/NQ-HĐND ngày 09/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI về một số chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2012 - 2015 thì tiếp tục được hưởng các chính sách theo Nghị quyết số 28/2011/NQ-HĐND./. 

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để b/c);
- VP Quốc hội, VP Chính phủ (để b/c);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản) (để b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT.



**CHỦ TỊCH**



**Trần Hồng Châu**